

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 132/2026/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Vũ Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ E, khu phố G, phường V, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Đoàn Thế T1, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ E, khu phố G, phường V, tỉnh Quảng Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Đoàn Thế T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2026 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường C, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T và anh T1 không còn nguyện vọng sống chung với nhau nữa nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 4 năm 2026, chị T và anh T1 thuận tình ly hôn. Xét thấy, chị T và anh T1 thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Đoàn Thế T1 có 02 con chung là Đoàn Trà M, sinh ngày 07/01/2027 và Đoàn Nam P, sinh ngày 07/5/2011. Con chung Đoàn Trà M đã thành niên, phát triển bình thường, chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T và anh T1 thỏa thuận: chị T là người trực tiếp nuôi con chung Đoàn Nam P. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Nam P 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung Đoàn Nam P thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đoàn Thế T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Đoàn Thế T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Vũ Thị T và anh Đoàn Thế T1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Vũ Thị T và anh Đoàn Thế T1 thỏa thuận chị Vũ Thị T là người nộp toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Đoàn Thế T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung Đoàn Nam P, sinh ngày 07/5/2011 cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đoàn Thế T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung Đoàn Nam P thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Đoàn Thế T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Vũ Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy chị Vũ Thị T không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì anh Đoàn

Thế T1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Đoàn Thế T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Vũ Thị T và anh Đoàn Thế T1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí: Chị Vũ Thị T tự nguyện nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 56 ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH: UBND phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Phạm Thị Cúc**